

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 11- 2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Quân

Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 414/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26/9/2018, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 30/10/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* : Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1999, có mặt;
Cư trú tại: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Chí Q, sinh năm 1996, có mặt;
Cư trú tại: Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đặng Thị M, sinh năm: 1977, có mặt;
Cư trú tại: Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:

Về hôn nhân: Vào tháng 02/2017, chị và anh Q xác lập quan hệ hôn nhân, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy

định của pháp luật. Vợ chồng chị có 01 đứa con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 16/6/2018, hiện nay con chung đang sống chung với chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, hàng ngày chồng chị đi làm công ty. Đến khi chị mang thai được 03 tháng, vì mẹ chồng chị quá khó khăn, chồng chị không có bên vực chị mà nghe theo lời mẹ chồng. Giữa vợ chồng chị không tìm được tiếng nói chung nên vào ngày 12/11/2017 chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Từ lúc chị về nhà mẹ ruột sống, chồng chị không hề điện thoại hỏi thăm chị và con, cũng không có ý muốn đoàn tụ.

- Về tài sản chung: Trong ngày cưới gia đình bên chồng có cho chị 6,5 chỉ vàng 24Kr gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24Kr, một sợi dây chuyền 2,5 chỉ vàng 24Kr, một tấm lắc 2,5 chỉ vàng 24Kr và một chiếc nhẫn 05 phân vàng 24Kr. Sau ngày cưới thì mẹ chồng chị là bà Đặng Thị M đem tấm lắc 2,5 chỉ vàng 24Kr đổi thành 01 bộ vòng simen 07 chiếc trọng lượng 03 chỉ vàng 18Kr và lấy 01 chiếc nhẫn 05 phân vàng 24Kr đổi thành 01 đôi bông tai trọng lượng 05 phân vàng 18Kr cho chị sử dụng và hiện nay chị đang quản lý. Còn lại 3,5 chỉ vàng 24Kr, chị giao cho bà M quản lý nhưng bà M nói vào tháng 11/2017, bà M đã đưa số vàng này lại cho Q quản lý. Chị cũng đồng ý là bà M không còn giữ 3,5 chỉ vàng 24Kr. Vợ chồng chị có mua 01 chiếc nhẫn 05 phân vàng 24Kr (Tiền vợ chồng làm mua được) hiện nay anh Q đang quản lý tổng cộng 04 chỉ vàng 24Kr.

- Về nợ chung: Không có.

Nay chị Đ yêu cầu giải quyết: được ly hôn với anh Nguyễn Chí Q.

- Về con chung: Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 16/6/2018, chị yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 700.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 09/11/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Đ yêu cầu được hưởng 01 bộ vòng simen 07 chiếc trọng lượng 03 chỉ vàng 18Kr và 01 đôi bông tai trọng lượng 05 phân vàng 18Kr mà chị đang quản lý, chị không phải hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị số vàng cho anh Q hưởng. Chị đồng ý cho anh Q được hưởng 04 chỉ vàng 24Kr mà anh Q đang quản lý. Anh Q không phải hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị số vàng cho chị hưởng. Do chị và anh Q thỏa thuận được về tài sản chung nên yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng chị.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Chí Q trình bày:

Anh Thông thống nhất với chị Đ về thời gian tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị Đ trình bày.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng anh chị tính tình không hợp nhau, bất đồng ý kiến, mặc dù hai vợ chồng đã nhiều lần cho nhau cơ hội để hai vợ chồng hàn gắn và sống đoàn tụ lại với nhau để cùng nhau lo cho con, nhưng vẫn không thể nào đoàn tụ và sống chung được nữa. Xét

thấy, tình cảm vợ chồng đã không còn nếu có tiếp tục sống chung cũng không còn hạnh phúc. Anh Q đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Đ.

- Về con chung: Anh Q đồng ý cho chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 16/6/2018 và anh đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 700.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 09/11/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh thống nhất với chị Đ là mẹ ruột anh bà Đặng Thị M vào tháng 11/2017 đã đưa lại 3,5 chỉ vàng 24 Kr cho anh quản lý. Hiện anh đang quản lý 04 chỉ vàng 24 Kr.

Anh đồng ý cho chị Đ được hưởng 01 bộ vòng simen 07 chiếc trọng lượng 03 chỉ vàng 18Kr và 01 đôi bông tai trọng lượng 05 phân vàng 18Kr mà chị Đ đang quản lý, anh không yêu cầu chị Đ phải hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị số vàng cho anh hưởng.

Anh Q yêu cầu được hưởng 04 chỉ vàng 24Kr mà anh đang quản lý. Anh không phải hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị số vàng cho chị Đ hưởng.

Do anh và chị Đ đã thỏa thuận được về chia tài sản chung nên yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của anh và chị Đ.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị M trình bày:

Bà là mẹ ruột của Nguyễn Chí Q và là mẹ chồng của Nguyễn Thị Hồng Đ, bà thừa nhận khi đám cưới xong chị Đ có đưa cho bà quản lý 3,5 chỉ vàng 24 Kr nhưng thời gian giữa chị Đ và anh Q sống ly thân, bà có đưa lại cho anh Q quản lý 3,5 chỉ vàng 24 Kr nên bà không có trách nhiệm và nghĩa vụ gì trong vụ án này. Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Chí Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Chí Q đồng ý cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 16/6/2018: Anh Nguyễn Chí Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 700.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng lần đầu bắt đầu từ ngày 09/11/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Chí Q thống nhất thỏa thuận và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản giữa các bên như sau:

+ Anh Nguyễn Chí Q đồng ý cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ được hưởng 01 bộ vòng simen 07 chiếc trọng lượng 03 chỉ vàng 18Kr và 01 đôi bông tai trọng lượng 05 phân vàng 18Kr mà chị Đ đang quản lý. Chị Đ không phải hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị số vàng cho anh Q hưởng.

+ Chị Nguyễn Thị Hồng Đ đồng ý cho anh Nguyễn Chí Q được hưởng 04 chỉ vàng 24Kr mà anh Q đang quản lý. Anh Nguyễn Chí Q không phải hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị số vàng cho chị Đ hưởng.

- Về nợ chung: Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Chí Q thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Chí Q sống chung với nhau như vợ chồng vào tháng 02/2017, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Đ và anh Q không có đăng ký kết hôn là không đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Chí Q.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Chí Q đồng ý cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 16/6/2018 và anh Q đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 700.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 09/11/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Đ, anh Q.

[4] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Chí Q như sau:

+ Anh Nguyễn Chí Q đồng ý cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ được hưởng 01 bộ vòng simen 07 chiếc trọng lượng 03 chỉ vàng 18Kr và 01 đôi bông tai trọng lượng 05 phân vàng 18Kr mà chị Đ đang quản lý. Chị Đ không phải hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị số vàng cho anh Q hưởng.

+ Chị Nguyễn Thị Hồng Đ đồng ý cho anh Nguyễn Chí Q được hưởng 04 chỉ vàng 24Kr mà anh Q đang quản lý. Anh Nguyễn Chí Q không phải hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị số vàng cho chị Đ hưởng.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Chí Q thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 53, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Chí Q.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Nguyễn Chí Q và chị Nguyễn Thị Hồng Đ là chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 16/6/2018 và anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 700.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 09/11/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Chí Q như sau:

+ Anh Nguyễn Chí Q đồng ý cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ được hưởng 01 bộ vòng simen 07 chiếc trọng lượng 03 chỉ vàng 18Kr và 01 đôi bông tai trọng lượng 05 phân vàng 18Kr mà chị Đ đang quản lý. Chị Đ không phải hoàn lại ½ giá trị số vàng cho anh Q hưởng.

+ Chị Nguyễn Thị Hồng Đ đồng ý cho anh Nguyễn Chí Q được hưởng 04 chỉ vàng 24Kr mà anh Q đang quản lý. Anh Nguyễn Chí Q không phải hoàn lại ½ giá trị số vàng cho chị Đ hưởng.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 947.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019124, ngày 26/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ số tiền chênh lệch bằng 647.000 đồng.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Chí Q phải chịu 300.000 đồng.

+ Án phí chia tài sản: Do chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Chí Q đã tự thỏa thuận phân chia và yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản nên không phải chịu án phí.

6. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã P, UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh

